TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/01/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Côn.
2. Bà Ngô Thị Nguyệt.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th - Sinh năm 1983.

Trú quán: Thôn P – Xã K – Huyện LN – Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Bùi Văn Q – Sinh năm 1972.

Trú quán: Thôn P – Xã K – Huyện LN – Bắc Giang.

Chị Th có mặt, anh Q vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2018 lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị Th kết hôn với anh Bùi Văn Q vào ngày 07/12/2007. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau. Được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Chị Th anh Q có đến Ủy ban nhân dân xã K, LN, Bắc Giang đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị Th anh Q về chung sống cùng nhau ngày tại thôn P – Xã K – Huyện Ln – Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Sau đó được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc làm ăn kinh tế dẫn đến có thỉnh thoảng cãi nhau làm cho tình cảm rạn nứt, không có hạnh phúc. Hiện nay hai chị Th anh Q đã sống ly thân với nhau không còn ai quan tâm tới ai nữa.

- Về con chung chị Th anh Q có 02 con chung là: Cháu Bùi Thị Kim Q, sinh ngày 01/10/2007 và cháu Bùi Như Q, sinh ngày 20/02/2014. Vợ chồng ly hôn chị Th nhận nuôi cả hai con chung. Không yêu cầu anh Q góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Cháu Bùi Thị Kim Q trình bày bố mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là ở với mẹ.

- Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác: Chị Th anh Q tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải Q.

Bị đơn anh Bùi Văn Q vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ. Q định đưa vụ án ra xét xử, Q định hoãn phiên tòa nhưng anh Q không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Th cũng không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh Q về yêu cầu của chị Th. Làm việc với Ủy ban nhân dân xã Kiên Thành cho cho biết: Anh Q vẫn cư trú tại thôn K, huyên LN, Bắc Giang tuy nhiên anh Q lúc có ở nhà lúc không hiện công việc làm của anh Q như nào ở đâu không ai biết. Khi gặp anh Q làm việc về việc chị Th làm đơn xin ly hôn, anh Q có nói anh có thời gian đến Tòa án làm việc, chị Th làm đơn ly hôn là việc của chị Th.

Tại phiên tòa chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải Q ly hôn, con chung với anh Q.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng

thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải Q vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Vũ Văn Q.

Về con chung: Giao cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là cháu Bùi Thị Kim Q, sinh ngày 01/10/2007 và cháu Bùi Như Q, sinh ngày 20/02/2014

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải Q.

Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải Q ly hôn với anh Bùi Văn Q. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Bùi Văn Q được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tọa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua làm việc với ủy ban nhân dân xã K thì anh Q hiện vẫn có hộ khẩu tại thôn P – Xã K – Huyện LN – Bắc Giang.

. Tuy nhiên anh Q thường đi đi, về về lúc ở nhà lúc đi đâu không rõ. Hiện nay không xác định anh Q thường đi đâu làm công việc gì ở địa chỉ cụ thể nào. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Q số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được xem là cố tình giấu giếm địa chỉ. Hội đồng xét xử tiến hành giải Q theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Th chị Q tự nguyện tìm hiểu và đi đăng kết hôn với nhau vào tháng 12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống chị Th anh Q phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau một thời gian, cuộc sống không có hạnh phúc. Mặc dù có níu kéo nhưng không thể hàn gắn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Th đối với anh Q. Cho chị Th được ly hôn với anh Q.

[3] Về con chung: Chị Th anh Q có hai con chung là Bùi Thị Kim Q, sinh ngày 01/10/2007 và cháu Bùi Như Q, sinh ngày 20/02/2014. Chị Th và anh Q đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục để hai con chung phát triển tốt trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên trong quá trình làm việc tại Tòa án chị Th có nguyện vọng được nuôi cà hai con chung, anh Q hiện không rõ nghề nghiệp địa chỉ công việc ở đâu. Cháu Q có nguyện vọng được ở với chị Th khi bố mẹ ly hôn, cháu Q hiện vẫn còn nhỏ vẫn cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy cần giao cháu Quý và cháu Quỳnh cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp với điều 81 Luật hôn nhân gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cháu Quý. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải Q.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải Q về tài sản chung, công nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải Q.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 ; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

1.Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Bùi Văn Q.

2. Giao cho chị Th nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là cháu Bùi Thị Kim Q, sinh ngày 01/10/2007 và cháu Bùi Như Qu, sinh ngày 20/02/2014. Việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải Q. Sau khi ly hôn anh Q được quyền đi lại thăm nuôi hai con chung không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Th đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2016/0003435 ngày 20/6/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã K, huyện LN, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Văn Thể